TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số nhà x, đường T, tổ y, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Ông **Thái Minh Đ**, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số nhà z, ngõ c, đường T, tổ d, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bà C, ông Đ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày***: Bà và ông Thái Minh Đ tự tìm hiểu và đã tổ chức đám cưới theo quy định tại địa phương vào ngày 11 tháng 02 năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống cùng nhau tại nhà ông Đ ở phường Đ, thành phố T được một thời gian thì vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 11 năm 2008 bà bị tai biến mạch máu não liệt nửa người, bà phải nằm điều trị tại bệnh viện 3 tháng. Đến năm 2009 sức khỏe giảm sút bà về ở với em gái bà tại số nhà x, đường T, tổ y, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình để sinh sống cho đến nay. Từ đó đến nay bà và ông Đ không đi lại thăm nom, chăm sóc nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng. Việc ông Đ trình bày năm 1990 bà và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình là không đúng sự thật. Vì thời điểm đó (năm 1990), bà có hộ khẩu thường trú tại tổ v cũ, phường L, thành phố T và ông Thái Minh Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ p, phường Đ, thành phố T nên không thực hiện thủ tục đăng kí kết hôn tại UBND xã T, nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình được, bà cũng chưa bao giờ đến Ủy ban nhân dân xã T hoặc cơ quan có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn. Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, ông Thái Minh Đ thể hiện:***. Năm 1990 ông và bà C tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm (nay là phường Trần Lãm) thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhưng đã mất giấy đăng ký kết hôn có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và về chung sống cùng nhau. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2008 bà C bị ốm, sau khi khỏi bệnh bà C ra ở nhà em gái từ đó đến nay. Đến nay, ông cũng nhất trí ly hôn với bà C. Ông và bà C không có con chung,

không có tài sản chung, không có bất kỳ tranh chấp gì. Ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông Đ. Về quan hệ con chung: Bà C và ông Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu không công nhận là vợ chồng do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Qua kiểm tra sổ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường T hiện tại không còn lưu trữ hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn năm 1990 nên không thể xác định bà C và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào thời điểm năm 1990 hay

không. Ngoài năm 1990 theo hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T cũng không thể hiện việc bà C đăng ký kết hôn với ông Đ. Công an phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình xác nhận năm 1990 ông Thái Minh Đ có hộ khẩu thường trú tại phường Đ. Công an phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình xác nhận năm 1990 bà Nguyễn Thị Kim C có hộ khẩu thường trú tại phường L. Ủy ban nhân dân phường Đ và Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình xác nhận năm 1990 ông Thái Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kim C không có tên trong sổ đăng ký kết hôn tại phường Đ và phường L. Ông Đ trình bày: ông Đ và bà C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy xác định ông Đ và bà C không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 02 năm 1990. Sau khi cưới bà C và ông Đ chung sống cùng nhau tại phường Đề Thám, thành phố Thái Bình. Từ năm 2009 đến nay bà C và ông Đ sống ly thân. Xét thấy bà C và ông Đ sống ly thân đã lâu, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xác định việc kết hôn của bà C, ông Đ không có giá trị pháp lý, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C, ông Đ.

[5] Về con chung: Bà C, ông Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Bà C, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn cho bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Thái Minh Đ.

[2]. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Thái Minh Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim C.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Thái Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương